

Hướng dẫn soạn văn lớp 6 Tổng kết phần văn

Câu 1: Em hãy nhớ và ghi lại tất cả tên các văn bản đã được đọc – hiểu trong cả năm học. Sau đó tự kiểm tra và bổ sung những chỗ còn thiếu, điều chỉnh những chỗ sai và viết vào vở học một cách đầy đủ, chính xác danh mục các văn bản đã học.

Trả lời:

STT	TÊN VĂN BẢN ĐÃ HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH LỚP 6
1	Con Rồng, cháu Tiên
2	Bánh chưng, bánh giầy
3	Thánh Gióng
4	Sơn Tinh, Thủy Tinh
5	Sự tích Hồ Gươm
6	Sọ Dừa
7	Thạch Sanh
8	Em bé thông minh
9	Cây bút thần
10	Ông lão đánh cá và con cá vàng
11	Ếch ngồi đáy giếng
12	Thầy bói xem voi
13	Đeo nhạc cho mèo
14	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng
15	Treo biển
16	Lợn cưới, áo mới
17	Con hổ có nghĩa
18	Mẹ hiền dạy con
19	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng
20	Bài học đường đời đầu tiên
21	Sông nước Cà Mau
22	Bức tranh của em gái tôi
23	Vượt thác
24	So sánh
25	Buổi học cuối cùng
26	Đêm nay Bác không ngủ
27	Lượm
28	Mưa
29	Cô Tô
30	Cây tre Việt Nam
31	Lòng yêu nước
32	Lao xao
33	Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử

34	Bức thư của thủ lĩnh da đỏ
35	Động Phong Nha

Câu 2 – Em hãy đọc lại các chú thích có đánh dấu sao (*) ở các bài 1, 5, 10, 12, 14, 29 và trả lời các câu hỏi sau đây:

- Thế nào là truyền thuyết?
- Thế nào là truyện cổ tích?
- Thế nào là truyện ngụ ngôn?
- Thế nào là truyện cười?
- Thế nào là truyện trung đại?
- Thế nào là văn bản nhật dụng?

Trả lời:

Thể loại	Định nghĩa
Truyền thuyết	– Loại truyện dân gian kể về nhân vật và sự kiện có liên quan tới lịch sử quá khứ, có sử dụng các yếu tố kì ảo. – Thể hiện thái độ đánh giá của nhân dân với nhân vật, sự kiện.
Truyện cổ tích	– Loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật... – Truyện cổ tích thường sử dụng yếu tố hoang đường, kì ảo.
Truyện ngụ ngôn	Là loại truyện kể bằng văn xuôi, hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người nhằm khuyên nhủ con người, răn dạy những bài học nào trong đó.
Truyện cười	Loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui, phê phán thói hư tật xấu trong xã hội.
Truyện trung đại	– Thể loại văn xuôi chữ Hán ra đời có nội dung phong phú, thường có tính giáo huấn, có cách viết không giống hẳn với truyện hiện đại. – Ngôn ngữ miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ miêu tả của người kể chuyện, qua hành động, ngôn ngữ đối thoại.
Văn bản nhật dụng	Bài viết có nội dung gần gũi, bức thiết với đời sống con người, cộng đồng trong xã hội hiện đại: thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền con người, ma túy...

Câu 3 – Riêng về các văn bản là truyện, hãy lập bảng kê theo mẫu sau đây:

Cột 1: STT

Cột 2: Tên văn bản

Cột 3: Nhân vật chính

Cột 4: Tính cách, vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính

Trả lời:

STT	Tên văn bản	Nhân vật chính	Tính cách, vị trí, ý nghĩa của nhân vật chính
1	Con Rồng cháu Tiên	Lạc Long Quân, Âu Cơ	Tổ tiên của người Việt đùm bọc, đoàn kết dân tộc Việt.
2	Bánh chưng, bánh giầy	Lang Liêu	Người sáng tạo ra bánh chưng bánh giầy- đề cao thành tựu nông nghiệp, óc sáng tạo, giá trị của lao động.
3	Thánh Gióng	Gióng	Người anh hùng dẹp tan giặc Ân- ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước.
4	Sơn Tinh, Thủy Tinh	Sơn Tinh, Thủy Tinh	Sơn Tinh: tinh thần đoàn kết chống bão lũ của cộng đồng. Thủy Tinh: bão lũ, thiên tai.
5	Sự tích Hồ Gươm	Lê Lợi	Anh hùng giải phóng dân tộc, xuất phát từ nhân nghĩa, khát vọng độc lập.
6	Sọ Dừa	Sọ Dừa	Phẩm chất, tài năng dưới vẻ ngoài dị dạng- giá trị chân chính của con người, tình thương với người bất hạnh.
7	Thạch Sanh	Thạch Sanh	Dũng sĩ diệt ác cứu người, ước mơ đạo đức, công lí, nhân văn.
8	Em bé thông minh	Em bé thông minh	Người thông minh, đề cao giá trị con người.
9	Cây bút thần	Mã Lương	Người vừa có tài vừa có đức- đề cao công bằng xã hội, đề cao nghệ thuật chân chính.
10	Ông lão đánh cá và con cá vàng	Ông lão đánh cá, mụ vợ	Phê phán, chê trách những kẻ ác độc, tham lam. Chân lí ở hiền gặp lành.
11	Ếch ngồi đáy giếng	Ếch	Ngu ngốc, tự mãn, thiếu hiểu biết- cần nâng cao hiểu biết.
12	Thầy bói xem voi	Năm ông thầy bói	Sự phiến diện, thiếu hiểu biết, nhìn nhận lệch lạc.
13	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	Phê phán sự thiếu đoàn kết. Cá nhân không thể sống tách biệt với tập thể.
14	Treo biển	Chủ cửa hàng	Sự thiếu chính kiến, thiếu kinh nghiệm sống, không tự chủ được bản thân.
15	Con hổ có nghĩa	Con hổ, bà đỡ Trần	Loài vật có nghĩa- đề cao ân nghĩa, lòng biết ơn trong đạo làm người.
16	Mẹ hiền dạy con	Mẹ Mạnh Tử	Tình thương con của một người mẹ hiền, cách dạy con nghiêm khắc, đúng đắn. Cho con môi trường sống tốt, dạy

			con đạo làm người.
17	Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng	Thầy Tuệ Tĩnh	Thầy thuốc tận tâm, có nhân cách, trọng nghĩa tín.
18	Dế Mèn phiêu lưu kí	Dế Mèn	Nhân vật trẻ tuổi có vẻ đẹp ngoại hình nhưng kiêu căng, tự phụ.
19	Bức tranh của em	Nhân vật tôi	Nhân vật người anh đầy ghen tị, hạn chế về tính cách, nhưng biết hối lỗi .
20	Buổi học cuối cùng	Phrang	Người thầy yêu nước tha thiết qua việc yêu dân tộc.

Câu 4 – Trong các nhân vật chính – kể ở trên, hãy chọn ba nhân vật mà em thích nhất. Vì sao em lại thích các nhân vật đó?

Trả lời:

Trong rất nhiều nhân vật chính trong truyện em thích nhất nhân vật Dế Mèn:

- Biết ăn uống điều độ, luyện tập khoa học.
- Ham thích phiêu lưu, khám phá.
- Biết hối lỗi, tự rút ra bài học.

Câu 5 – Về phương thức biểu đạt thì truyện dân gian, truyện trung đại và truyện hiện đại có điểm gì giống nhau?

Trả lời:

Phương thức biểu đạt truyện dân gian, truyện trung đại và truyện hiện đại giống nhau:

- Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong quá trình thuật truyện.

Câu 6 – Hãy liệt kê từ Ngữ văn 6, tập hai những văn bản thể hiện truyền thống yêu nước và những văn bản thể hiện lòng nhân ái của dân tộc ta.

Trả lời:

Văn bản thể hiện truyền thống yêu nước	Văn bản thể hiện lòng nhân ái của dân tộc ta
Sông nước Cà Mau	Lòng yêu nước
Đêm nay Bác không ngủ	Đêm nay Bác không ngủ
Lượm	Cây tre Việt Nam
Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử	

Câu 7 – Đọc kĩ bảng tra cứu các yếu tố Hán Việt ở cuối sách Ngữ văn 6, tập hai. Ghi vào sổ tay những từ (mở rộng) khó hiểu và tra nghĩa trong từ điển.

Trả lời:

Các yếu tố Hán Việt:

+ Thám: thăm dò

+ Minh: sáng

+ Tuán: tài giỏi hơn người

+ Trường: dài